SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT TUYÊN QUANG
ĐẾN Số: 7563
Ngày 23/12/2016

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 425/QĐ-UBND	*Tuyên Quang, ngày 15 tháng 12 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch chung và Khung kế hoạch truyền thông Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra" vay vốn Ngân hàng Thế giới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1415/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Danh mục dự án Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra" vay vốn Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Quyết định số 3606/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/9/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt văn kiện Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và Nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" vay vốn Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Quyết định số 3622/QĐ-BNN-HTQT ngày 07/9/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra" vay vốn Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Quyết định số 3102/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/7/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh bổ sung Quyết định số 3606/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/9/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Văn kiện Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB);

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản số 2688/SNN-NS ngày 14/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Khung kế hoạch truyền thông Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra" vay vốn Ngân hàng Thế giới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Kho bạc Nhà nước tỉnh Tuyên Quang, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện Chương trình theo Kế hoạch được duyệt, đảm bảo mục tiêu, nội dung theo đúng văn kiện của Chương trình và các văn bản liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Y tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Giám đốc Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các Bộ: NN&PTNT, KH&ĐT, TC, Y tế, GD&ĐT; (B/c)
- Thường trực Tỉnh ủy; (B/c)
- Thường trực HĐND tỉnh; (B/c)
- Tổng cục Thủy lợi;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Chuyên viên: TL;
- Lưu: VT, (Kh.T-40)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

----------o0o----------

KHUNG KẾ HOẠCH TRUYỀN THÔNG
CHƯƠNG TRÌNH MỞ RỘNG QUY MÔ VỆ SINH VÀ NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN DỰA TRÊN KẾT QUẢ, GIAI ĐOẠN NĂM 2016 – 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 425/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Năm 2016

KHUNG KẾ HOẠCH TRUYỀN THÔNG
CHƯƠNG TRÌNH MỞ RỘNG QUY MÔ VỆ SINH VÀ NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN VAY VỐN NGÂN HÀNG THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2016 – 2020 TỈNH TUYÊN QUANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 425/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Thông tin chung:

Tuyên Quang là một tỉnh thuộc khu vực Đông Bắc bộ bao gồm 01 thành phố, 6 huyện và 141 xã, phường, thị trấn với tổng số 2.096 thôn/bản. Có diện tích 5.868 Km^2, với 7 đơn vị hành chính (6 huyện, 1 thành phố). Đến hết năm 2015, dân số nông thôn trên địa bàn tỉnh là 673.710 người, trong đó hộ gia đình nông thôn 167.057 hộ với 129 xã thuộc khu vực nông thôn.

Trong những năm qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh, thường xuyên kiểm tra, giám sát các ban, ngành trong quá trình thực hiện, duy trì tổ chức các hoạt động tập huấn, tuyên truyền về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, thực hiện đầu tư xây dựng các công trình cấp nước tập trung nông thôn, cấp nước và vệ sinh trường học và trạm y tế, hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà tiêu mẫu cho một số hộ gia đình nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách. Kết hợp với các chương trình dự án và vận động tuyên truyền nhân dân tự đầu tư xây dựng các công trình cấp nước và vệ sinh nông thôn góp phần không nhỏ trong việc cải thiện vệ sinh môi trường cho người dân khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh.

2. Thực trạng về tình hình vệ sinh môi trường:

Nhận thức của người dân đối với vấn đề về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường để bảo vệ sức khoẻ còn rất hạn chế. Thói quen đi tiêu bừa bãi ra ngoài môi trường, hay việc thu gom, xử lý phân, nước thải, rác thải đặc biệt ở khu vực nông thôn vẫn là vấn đề bức xúc.

**** Vệ sinh hộ gia đình:***

- Nhà tiêu hộ gia đình (Tính đến hết 2015).

+ Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu trên địa bàn toàn tỉnh là: 71,5%; Số hộ gia đình có nhà tiêu vùng nông thôn là: 27,6%.

+ Nhiều thôn/bản ở vùng sâu, vùng xa hầu như không có nhà tiêu hoặc có nhà tiêu nhưng không hợp vệ sinh, thói quen phóng uế bừa bãi ra môi trường vẫn còn khá phổ biến. Phân, rác thải, nước thải của người, gia súc không được thu gom và xử lý triệt để; hoặc được thu gom và xử lý cũng không đúng quy trình, hầu như

tất cả người dân chưa có thói quen rửa tay với xà phòng đúng cách. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến các dịch bệnh liên quan đến nước và vệ sinh môi trường.

- Nhà tiêu và nguồn nước tại Trạm Y tế (Tính đến hết 2015).

+ Tỷ lệ TYT sử dụng nước và nhà tiêu hợp vệ sinh là: 119/141, đạt tỷ lệ: 84%.

Hiện tại còn 22/141 Trạm Y tế xã chưa có nhà tiêu hoặc có nhà tiêu nhưng không hợp vệ sinh, nhiều nhà tiêu xuống cấp nghiêm trọng, cần đầu tư xây dựng mới hoặc cần cải tạo nâng cấp, sửa chữa.

**** Vệ sinh công cộng:***

Trường học nông thôn: Toàn tỉnh có 480 trường học, đến hết năm 2015 số trường có nước và nhà tiêu HVS chiếm tỷ lệ 69%.

**** Cấp nước:***

- Tổng số dân nông thôn khoảng 673.710 người; số dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh khoảng 505.283 người tương đương tỷ lệ 75,1%.

- Tỷ lệ số dân sử dụng nước sạch, đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt - QCVN-02:209/BYT do Bộ Y tế ban hành tại Thông tư số 05/209/TT-BYT ngày 17/06/2009, chiếm tỷ lệ 50%.

- Tổng toàn tỉnh có 372 công trình cấp nước tập trung, trong đó hoạt động bền vững là 94 công trình. Chiếm tỷ lệ 25,3 %.

**** Chỉ tiêu nước sạch trong tiêu trí môi trường với các xã trong chương trình xây dựng nông thôn mới:***

- Đến hết năm 2015 có 71/129 xã hoàn thành chỉ tiêu tỷ lệ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt tỷ lệ 55%.

- Số xã xây dựng nông thôn mới đạt tiêu trí về môi trường đến hết 2015 có 10 xã, tỷ lệ tương ứng 7,8%.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Nâng cao nhận thức, thay đổi thái độ, hành vi của người dân nông thôn nhằm cải thiện hành vi vệ sinh cá nhân, tăng cường tỷ lệ người dân được tiếp cận bền vững với Nước sạch và Vệ sinh tại khu vực nông thôn tỉnh Tuyên Quang.

2. Các mục tiêu truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh đến 2020 như sau:

- 100% hộ dân (52.361 hộ) của ít nhất 45 xã "Vệ sinh toàn xã" được tuyên truyền vận động xây dựng và sử dụng nhà tiêu cải thiện thông qua cung cấp thông tin về các loại nhà tiêu cải thiện, cũng như sử dụng và bảo quản nhà tiêu đúng quy cách.

- 100% hộ dân của ít nhất 45 xã "Vệ sinh toàn xã" được cung cấp kiến thức về vệ sinh cá nhân, rửa tay với xà phòng và nước sạch vào các thời điểm quan trọng.

- 100% giáo viên và học sinh các trường mầm non và tiểu học tại các điểm trường chính (không kể các phân hiệu) trong 45 xã "Vệ sinh toàn xã" được cung cấp kiến thức về sử dụng và bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh đúng quy cách, rửa tay với xà phòng và nước sạch vào các thời điểm quan trọng.

- Các chủ cửa hàng, nhà sản xuất vật liệu xây dựng đồng ý trở thành CHTI và cộng tác viên, thợ xây của họ trong 45 xã "Vệ sinh toàn xã" được đào tạo tập huấn về thị trường vệ sinh, kỹ thuật xây dựng nhà tiêu, lập kế hoạch kinh doanh, kỹ năng bán hàng để xây dựng và phát triển thành hệ thống cửa hàng tiện ích.

- 90% cán bộ trạm y tế xã, y tế thôn bản tham gia thực hiện chương trình được đào tạo tập huấn về các mô hình thúc đẩy vệ sinh, truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh, thúc đẩy thị trường vệ sinh, kiểm tra giám sát vệ sinh nhà tiêu hộ gia đình, nhà tiêu trường học và trạm y tế.

- Các cấp lãnh đạo Đảng, Chính quyền, tổ chức đoàn thể và những người có vai trò lãnh đạo trong cộng đồng như trưởng thôn, già làng tại địa phương cung cấp thông tin về tầm quan trọng và các nội dung vệ sinh nông thôn, đưa chỉ tiêu tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu được cải thiện, số thôn bản đạt cộng đồng chấm dứt phóng uế bừa bãi (ODF) vào các chương trình kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và cam kết thực hiện.

3. Mục tiêu Hợp phần vệ sinh của tỉnh Tuyên Quang

Năm	Số huyện có can thiệp	Số xã đạt vệ sinh toàn xã	Số người được hưởng lợi (Ước tính)
2016	1	3	19.006
2017	4	11	79.619
2018	4	14	100.645
2019	4	10	61.279
2020	3	7	47.624
Tổng	**4**	**45**	**308.173**

- Số nhà tiêu hộ gia đình được xây mới và cải tạo: 24.498 (nhà tiêu). Trong đó: 6.664 nhà tiêu hộ gia đình được hỗ trợ từ nguồn vốn của Ngân hàng thế giới. 18.981 nhà tiêu hộ gia đình do người dân tự đầu tư.

- Xây dựng/cải tạo công trình nước và vệ sinh Trạm y tế: 54 (trạm y tế).

III. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TRUYỀN THÔNG

Kế hoạch truyền thông được xây dựng theo các nguyên tắc sau:

1. Tích hợp ba hợp phần chính trong truyền thông (Tạo cầu và truyền thông thay đổi hành vi; phát triển thị trường vệ sinh, thúc đẩy môi trường thuận lợi). Cả 3 hợp phần cần được triển khai đồng bộ và gắn kết với nhau theo một lộ trình phù hợp: Tạo nhu cầu và truyền thông thay đổi hành vi về điều kiện vệ sinh được cải thiện, phát triển thị trường cho các sản phẩm và dịch vụ vệ sinh, vận động chính sách thúc đẩy môi trường thuận lợi nhằm đưa ra các chính sách, khung thể chế và tài chính, để từ đó tạo ra các chương trình vệ sinh nông thôn có hiệu quả, bền vững và có thể nhân rộng trên quy mô lớn.

2. Chuẩn hoá các hoạt động truyền thông về vệ sinh cho mỗi cấp triển khai khác nhau (tỉnh, huyện, xã, thôn) để có thể dễ dàng đem nhân rộng ra áp dụng ra nhiều huyện và thậm chí nhiều tỉnh khác nhau. Thiết kế dạng mô-đun cho các gói hoạt động, để cấp tỉnh và huyện có thể triển khai theo từng giai đoạn, lựa chọn và ưu tiên triển khai ở một số xã nhất định trong giai đoạn đầu của chương trình và sau đó mở rộng ra các huyện, xã còn lại, hoặc triển khai chiến dịch trên diện rộng nếu có đủ kinh phí. Thời gian đề xuất triển khai một cách toàn diện kế hoạch cho một xã ít nhất là 12 tháng, tuy nhiên các xã nên tiến hành các hoạt động chuẩn bị vào năm trước năm triển khai chính thức và có các hoạt động duy trì tối thiểu ít nhất là 1 năm sau năm can thiệp chính để đảm bảo tính bền vững của các hoạt động can thiệp.

3. Cộng đồng làm chủ, đóng vai trò quyết định loại hình nhà tiêu cần hướng đến: hợp vệ sinh, giá thành vừa phải, tiện lợi và đẹp…

IV. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Đối tượng hưởng lợi

Đối tượng hưởng lợi là các hộ gia đình nông thôn, các chủ cửa hàng tiện ích ngoài ra các cán bộ tham gia cũng sẽ được tăng cường năng lực qua quá trình thực hiện dự án.

Là học sinh, giáo viên ở các trường trung học cơ sở, tiểu học, trường mầm non trong địa bàn Chương trình.

2. Nội dung hoạt động

Các hoạt động dưới đây nhằm thúc đẩy thực hiện mục tiêu của Kế hoạch truyền thông, tập trung vào các lĩnh vực sau:

- Tạo môi trường thuận lợi
- Tạo cầu; truyền thông thay đổi hành vi.
- Phát triển thị trường vệ sinh.

Thực hiện các hoạt động này sẽ giúp tỉnh đạt được mục tiêu của Chương trình, cụ thể là chỉ số DLI 1.1, 1.2, 2.2.

2.1. Tạo môi trường thuận lợi

Tập trung vào các hoạt động chính là vận động chính sách, nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện; Giám sát và đánh giá.

2.1.1. Các hoạt động vận động chính sách

Thông qua các hội nghị triển khai các cấp:

- Vận động đại diện của tất cả các ban ngành liên quan tham gia.
- Cung cấp các số liệu cụ thể, bằng chứng về công tác vệ sinh trong tỉnh: Số liệu báo cáo, băng video...
- Cung cấp các thông tin, các phương pháp và công cụ được sử dụng trong Chương trình.

- Vận động các nhà quản lý đưa mục tiêu về vệ sinh vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh/huyện/xã.

- Vận động các nhà quản lý tham gia trực tiếp vào một số hoạt động triển khai tại các cấp (các sự kiện vệ sinh, phóng sự vệ sinh...) vào các hoạt động đánh giá tại địa phương.

- Vận động các nhà quản lý tham gia vào các cuộc họp giao ban cấp tỉnh và huyện, xã.

- Tổ chức các sự kiện khen thưởng Mô hình Vệ sinh toàn xã, xây dựng cơ chế khen thưởng đối với cá nhân, đơn vị đạt thành tích xuất sắc.

2.1.2. Các hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện Chương trình các Cấp

- Tiếp nhận tài liệu, bộ công cụ phục vụ cho hoạt động truyền thông từ Chương trình Trung ương sau đó tập huấn chuyển giao cho tuyến huyện, tuyến xã thực hiện, sử dụng theo hướng dẫn của Chương trình.

- Lựa chọn giảng viên nòng cốt cho các tỉnh cử đi tập huấn các lớp do Chương trình Trung ương tổ chức, những giảng viên này sẽ tập huấn lại cho cán bộ cấp huyện. Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh sẽ hỗ trợ TTYT huyện, TYT xã trong việc lựa chọn các cán bộ tham gia tập huấn và triển khai các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi tại cộng đồng.

- Tập huấn cho giảng viên nòng cốt (TOT): Các giảng viên nòng cốt được tập huấn ở Trung Ương và sẽ là các giảng viên cho các cấp thấp hơn để truyền đạt lại các kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng truyền thông tại cộng đồng. Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh sẽ hỗ trợ TTYT huyện, TYT xã trong việc lựa chọn các cán bộ tham gia tập huấn và triển khai các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi tại cộng đồng. Các lớp tập huấn TOT ở các cấp tại địa phương sẽ tập trung vào các nội dung sau:

+ Kỹ năng truyền thông vận động cộng đồng thay đổi hành vi vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường.

+ Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động của Chương trình.

+ Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Chương trình; Xây dựng và sử dụng nhà tiêu cải thiện, tiếp thị vệ sinh và kết nối chuỗi cung - cầu.

- Các khóa tập huấn cho cán bộ thực hiện Chương trình:

+ Cấp huyện: Xây dựng năng lực về lập kế hoạch cấp huyện, vận động chính sách, hỗ trợ và giám sat, điều phối giữa các hoạt động BCC và tăng cường chuỗi cung cấp khu vực tư nhân...

+ Cấp xã: Xây dựng năng lực về lập kế hoạch cấp xã, hỗ trợ và giám sát thực hiện và kết nối với khu vực tư nhân.

+ Cấp thôn/bản bao gồm cán bộ y tế, trưởng thôn/bản, tổ chức quần chúng xây dựng năng lực về: triển khai các hoạt động truyền thông, theo dõi và báo cáo.

- Tập huấn cho giảng viên nòng cốt của hệ thống giáo dục (TOT): Chương trình sẽ cung cấp đào tạo để cải thiện năng lực của ngành GDĐT và cán bộ các trường trong thực hiện chương trình/hoạt động.

+ Lồng ghép truyền thông về vệ sinh cá nhân (rửa tay bằng xà phòng - cho trẻ em mẫu giáo, ...,).

+Sử dụng và bảo quản công trình nước và vệ sinh ở trường học.

- Tập huấn cho giáo viên các trường: Các giảng viên nòng cốt của sở giáo dục sẽ là giảng viên cho các khóa tập huấn cho giáo viên từ các trường trung học cơ sở, tiểu học và mầm non về nội dung sử dụng hợp lý và bảo quản công trình vệ sinh ở trường học và rửa tay bằng xà phòng.

- Tập huấn cho khu vực tư nhân để phát triển thị trường vệ sinh, phát triển các mô hình kinh doanh nhằm thúc đẩy thị trường vệ sinh phát triển. Hoạt động này bao gồm các khóa tập huấn sau:

+ Tập huấn về kỹ năng xây dựng nhà tiêu cho CHTI, công tác viên bán hàng và thợ xây bao gồm: Các loại nhà tiêu và cấu tạo từng loại; Các vật liệu thay thế để xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh giá rẻ; Các kỹ thuật xây nhà tiêu.

+ Tập huấn về kỹ năng tiếp thị bán hàng cho công tác viên thôn bản (là các CTV bán hàng cho CHTI).

+ Tập huấn cho CHTI, các chủ cửa hàng bán vật liệu xây dựng và cá nhân tham gia kinh doanh về lập kế hoạch kinh doanh cung cấp các thông tin về thị trường vệ sinh tiềm năng ở địa phương và giúp cửa hàng dự đoán thị trường và dự tính tài chính trước khi triển khai mô hình kinh doanh CHTI.

- Thăm quan học tập: Tổ chức tham quan học tập giữa các tỉnh bạn với nhau và với các tỉnh bạn.

+ Thăm quan tỉnh bạn: Tổ chức tham quan 01 tỉnh đã đạt kết quả tốt khi thực hiện Chương trình và có điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội gần tương đồng với Tuyên Quang (VD tỉnh Hòa Bình). Thời gian dự kiến sẽ tổ chức vào năm 2017, khi kế hoạch năm 2016 đã thực hiện xong. Thành phần tham gia dự kiến sẽ là đại diện UBND các cấp, đại diện các đơn vị y tế liên quan của các cấp, đại diện các đơn vị phối hợp truyền thông như, Hội phụ nữ, chủ CHTI, tuyên truyền viên, công tác viên các cấp.

+ Thăm quan giữa các huyện với nhau: Vào cuối mỗi năm thực hiện chương trình, tỉnh sẽ lựa chọn huyện, xã đã triển khai phong trào có kết quả tốt để các huyện khác đến học tập kinh nghiệm. Tổng số dự kiến sẽ là 3 chuyến thăm quan trong 4 năm từ 2017 - 2020. Thành phần tham gia tương tự như chuyến tham quan của tỉnh.

2.1.3. Giám sát đánh giá

- Tỉnh sẽ tiếp nhận và triển khai các biểu mẫu báo cáo chuẩn từ Chương trình Trung ương để theo dõi việc thực hiện các hoạt động BCC và cung cấp dịch vụ vệ sinh. Các báo cáo sẽ được sử dụng để thẩm tra việc thực hiện kế hoạch BCC. Báo cáo sẽ có đủ chi tiết (ví dụ họp thôn: Ngày họp, số lượng người tham

gia và giới tính, hoạt động, các vấn đề thảo luận v.v...; Các sự kiện bán hàng và xúc tiến vệ sinh: Ngày tổ chức, người tham gia, số lượng bán hàng v.v...).

- Thực hiện điều tra ban đầu về hiện trạng vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh trong trường học của tất cả các điểm trường chính, vệ sinh Trạm Y tế xã của các xã dự kiến thực hiện Vệ sinh toàn xã. Dự kiến thời gian thực hiện hàng năm là vào tháng 11 các năm từ 2017 - 2019 lần lượt tại các xã thực hiện Vệ sinh toàn xã. Kết quả của việc điều tra sẽ được các ban ngành thống nhất để quyết định thực hiện Vệ sinh toàn xã tại các xã đã dự kiên hoặc thay đổi xã khác.

- Triển khai các hoạt động giám sát và thực hiện Chương trình.

+ Giám sát của tuyến tỉnh:

Đối với giám sát chung các hoạt động của Chương trình sẽ thực hiện 2 lần/năm và phối hợp giám sát lồng ghép các hoạt động khác 2 lần/năm.

Đối với giám sát riêng rẽ các hoạt động như tập huấn, truyền thông, tổ chức sự kiện... của tuyến huyện, xã, thôn/bản sẽ căn cứ vào tình hình và số lượng tổ chức các hoạt động để lên kế hoạch giám sát và hỗ trợ kỹ thuật ít nhất 1 lần/ 1 hoạt động.

Giám sát duy trì VSTX: Đối với những xã đã đạt vệ sinh toàn xã thực hiện giám sát duy trì bền vững: tổng số xã giám sát: 2 lần/năm/xã.

+ Giám sát của tuyến huyện:

Đối với giám sát chung các hoạt động của Chương trình sẽ thực hiện 2 lần/năm.

Đối với giám sát riêng rẽ các hoạt động như truyền thông, tổ chức sự kiện... của tuyến xã, thôn/bản sẽ căn cứ vào tình hình và số lượng tổ chức các hoạt động để lên kế hoạch giám sát và hỗ trợ kỹ thuật ít nhất 1 lần/ 1 hoạt động.

Giám sát duy trì VSTX: Đối với những xã đã đạt vệ sinh toàn xã thực hiện giám sát duy trì bền vững: tổng số xã giám sát: 2 lần/năm/xã;

+ Giám sát của tuyến xã:

Đối với giám sát chung các hoạt động của Chương trình sẽ thực hiện 2 lần/năm.

Đối với giám sát riêng rẽ các hoạt động như truyền thông, tổ chức sự kiện... của tuyến thôn/bản sẽ căn cứ vào tình hình và số lượng tổ chức các hoạt động để lên kế hoạch giám sát và hỗ trợ kỹ thuật thường xuyên.

- Thực hiện hoạt động báo cáo và tiến độ của Chương trình theo đúng định kỳ sau:

+ Tuyên truyền viên thôn/bản sẽ lập các báo cáo hoạt động tại thôn theo từng tháng và nộp lại cho cán bộ y tế xã vào ngày 30 hàng tháng (ngày cuối cùng của tháng).

+ Đối với hoạt động BCC ở cấp xã, Trạm Y tế xã lập báo cáo theo quý và nộp cho Trung tâm Y tế huyện vào ngày 30 cuối quý.

+ TTYT Huyện tổng hợp báo cáo và gửi TT YTDP tỉnh theo quý vào ngày 5 của tháng đầu mỗi quý tiếp theo.

+ TTYT DP tổng hợp và báo cáo cho Ban thường trực Chương trình tỉnh Tuyên Quang, Cục QLMTYT hàng quý váo ngày 20 của tháng đầu mỗi quý tiếp theo. Hàng năm TT YTDP tỉnh tổng hợp một báo cáo cho Sở NN và PTNT sau đó được nộp cho Bộ NN và PTNT và Bộ Y tế ở cấp Trung ương cùng với Kế hoạch BCC cho năm tiếp theo.

- Đối với Hoạt động BCC trong trường học do ngành giáo dục thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh báo cáo cho Vụ Công tác Học sinh sinh viên – Bộ Giáo dục Đào tạo hàng quý và cũng báo cáo lên Bộ NN và PTNT. Hàng năm Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp một báo cáo cho Sở NN và PTNT sau đó được nộp lên Bộ NN và PTNT và Bộ Giáo dục và Đào tạo ở cấp trung ương cùng với kế hoạch BCC hàng năm cho năm tiếp theo chịu trách nhiệm.

- Quy trình theo dõi và báo cáo cho vệ sinh toàn xã cũng được xây dựng, bao gồm theo dõi tình hình vệ sinh được duy trì ở mẫu giáo, tiểu học và trung học công lập, và các trạm y tế cho những xã đã đạt được tình trạng Vệ sinh toàn xã sau hai năm thực hiện. Các quy trình này sẽ được Kiểm toán Nhà nước sử dụng để thẩm tra kết quả đạt được.

Lưu ý: Các công cụ theo dõi, báo cáo và cơ sở dữ liệu cơ bản về thị trường vệ sinh sẽ được tổng hợp theo mẫu biểu từ Trung ương cung cấp.

2.2. Các hoạt động tạo cầu, truyền thông thay đổi hành vi

2.2.1. Ở cấp tỉnh, huyện:

- Hội nghị triển khai chương trình vệ sinh cấp tỉnh/huyện: Tổng kết hoạt động, kết quả của năm trước và phổ biến định hướng, kế hoạch chương trình vệ sinh hàng năm của tỉnh, các mục tiêu đề xuất, các hỗ trợ có thể có được từ tỉnh hoặc các tổ chức khác, phương pháp thực hiện và công cụ sử dụng trong quá trình thực hiện. Mục tiêu tiên quyết của hội nghị là có được sự cam kết của chính quyền và các bên liên quan tạo điều kiện và thực hiện chương trình.

- Xây dựng kế hoạch triển khai, giám sát cấp tỉnh/huyện: Các Sở Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các đơn vị liên quan chuẩn bị kế hoạch Chương trình hàng năm cho năm tiếp theo trước ngày 31/07, trong đó có thông tin về đề xuất, ngân sách, mục tiêu DLI hàng năm và thông tin liên quan khác.

- Hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ các cấp (xem chi tiết ở phần hoạt động "Tạo môi trường thuận lợi".

- In ấn, sản xuất và phân phối tài liệu truyền thông: Toàn bộ các tài liệu/công cụ truyền thông được sử dụng trong quá trình thực hiện sẽ do TTYTDP tỉnh có trách nhiệm in ấn và sau đó phân phát về cho huyện → xã → thôn theo số lượng được dự trù, cụ thể như sau:

+ Tài liệu hướng dẫn thực hiện các hoạt động BCC (sổ tay, sách hướng dẫn): Tài liệu này được phát cho cán bộ y tế các cấp, TTV, cộng tác viên thôn/bản, CHTI.

+ Pano: Sẽ được treo ở những khu vực đông người qua lại, ở những trục đường giao thông chính hoặc trung tâm của huyện, xã.

+ Mô hình nhà tiêu mẫu: Thiết kế và sản xuất các mô hình nhà tiêu mẫu bằng gỗ, nhựa hoặc bằng các chất liệu đảm bảo tính bền, đẹp. Một bộ mô hình nhà tiêu mẫu gồm 4 loại nhà tiêu. Bộ mô hình này sẽ được phát cho các huyện, xã để trang bị cho các lớp tập huấn và hoạt động truyền thông khác

+ Tờ rơi sẽ được phát cho các HGĐ trong hoạt động họp thôn hoặc thăm hộ gia đình.

+ Tranh, bạt, băng rôn tuyên truyền: Sử dụng trong các sự kiện truyền thông.

+ Đĩa tuyên truyền về nhà tiêu HVS và rửa tay bằng xà phòng: Các đĩa này sẽ được phát cho các thôn để tuyên truyền trong các buổi họp thôn, họp lồng ghép, trong các khóa tập huấn và trong các hội nghị, hội thảo.

+ Áp phích tuyên truyền về nhà tiêu HVS và rửa tay bằng xà phòng: Áp phích sẽ được sử dụng trong các buổi họp thôn, treo tại trung tâm y tế, trường học, UBND xã, nhà văn hóa thôn.

+ Khuôn đổ ống bi bê tông: Các khuôn phục vụ cho việc đổ ống bi bê tông làm nhà tiêu hợp vệ sinh sẽ được cung cấp cho các CHTI hoặc các nhóm thợ xây hay Trạm y tế xã với những xã khó khăn không phát triển được CHTI.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai chương trình truyền thông trên kênh thông tin đại chúng:

+ Phóng sự: TTYTDP tỉnh, TTYT huyện sẽ xây dựng phóng sự/chuyên đề về vệ sinh dài khoảng 10 -15 phút để phát trên Đài truyền hình tỉnh.

+ Bài Báo: TTYT DP tỉnh sẽ phối hợp viết tin bài về vệ sinh để đăng trên báo Tuyên Quang.

+ Phát clip quảng cáo (trong vòng 30 giây) đã được Chương trình Nước và Vệ sinh - Ngân hàng thế giới (WSP) xây dựng trên Đài truyền hình tỉnh.

+ TTYTDP tỉnh sẽ xây dựng phóng sự/ chuyên đề về vệ sinh dài khoảng 5-10 phút để phát trên Đài truyền hình tỉnh.

- Tổ chức các sự kiện truyền thông vận động chính sách (Lễ phát động, Ngày hội vệ sinh). Sự kiện này nên được tổ chức vào một trong số các ngày sau: Ngày Vệ sinh yêu nước (2/7), Ngày Thế giới rửa tay với xà phòng (15/10), Ngày Nhà tiêu thế giới (19/11) Tuần lễ quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường, ngày nước Thế giới. Sự kiện này sẽ được tổ chức tại trung tâm tỉnh hoặc huyện với sự tham gia của tất cả các ban ngành, đoàn thể, trường học trong tỉnh.

- TTYT huyện sẽ trực tiếp thực hiện và phối hợp với các đơn vị liên quan để tổ chức truyền thông trực tiếp tại cộng đồng (thôn/bản) theo Mô hình Vệ sinh tổng thể có sự tham gia của cộng đồng (CLTS) hoặc các phương pháp truyền thông trực tiếp khác theo định hướng của Chương trình. Các phương pháp truyền thông trực tiếp sẽ do Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh định hướng cho các huyện, xã trên cơ sở

có đóng góp ý kiến của các tư vấn và các bên liên quan để triển khai các loại hình truyền thông trực tiếp phù hợp nhất với từng cộng đồng.

- TTYT DP tỉnh, TTYT huyện sẽ trực tiếp thực hiện và phối hợp với các đơn vị liên quan để tổ chức Lễ công nhận xã đạt Vệ sinh toàn xã tại các xã.

2.2.2. Các hoạt động truyền thông tại cấp xã:

Xã là đơn vị hành chính cơ sở với hệ thống chính trị đồng bộ, có vai trò quyết định. Cần thiết xây dựng cấp xã là cấp thực hiện cơ bản trong các Chương trình VSNT, trong đó trạm Y tế xã trở thành tổ chức thực hiện VSNT chủ chốt, tiên phong trong việc vận động người dân xây và sử dụng nhà tiêu cải thiện và thay đổi hành vi vệ sinh một cách bền vững. Các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của cộng đồng về nhà tiêu cải thiện do cán bộ y tế cấp xã làm đầu mối tổ chức, điều hành với sự tham gia của các tổ chức chính trị xã hội như hội phụ nữ, cụ thể như sau:

- Hội nghị triển khai Chương trình Vệ sinh của xã: Hội nghị này được tổ chức với nội dung và hình thức thực hiện tương tự như hội nghị cấp tỉnh, huyện.

- Phát tin qua loa truyền thanh: Loa phát thanh xã sẽ phát đĩa truyền thông hàng tuần, đưa những bản tin, những quy định pháp luật, những tấm gương điển hình hoặc đơn giản là giới thiệu mô hình chuỗi cung ứng... liên quan đến vệ sinh. Các bản tin sẽ do cán bộ y tế xã xây dựng và chịu trách nhiệm phát trên Loa.

- Tổ chức các sự kiện tại cộng đồng:

Ngày hội vệ sinh cấp xã: Ở cấp xã sẽ tổ chức ngày hội vệ sinh, ngày hội sẽ là cơ hội để các CHTI tiếp thị bán hàng các sản phẩm nhà tiêu giá rẻ, đồng thời là sự kiện truyền thông trực tiếp có tác động đến nhiều thành phần từ chính quyền, đoàn thể và đông đảo người dân trong xã. Ngày hội vệ sinh cấp xã sẽ được lựa chọn tổ chức vào một trong các ngày: Ngày vệ sinh yêu nước, Ngày Thế giới rửa tay với xà phòng, Ngày nhà tiêu thế giới. Mỗi xã sẽ tổ chức 1 lần/ năm trong thời gian can thiệp

- Vẽ tranh tường: Tranh được vẽ ở nơi có nhiều người đi lại, quan sát được. Tranh tường là những bức tranh đơn giản có thể là lô gô chương trình, các câu khẩu hiệu chương trình nhằm mục đích thường xuyên nhắc nhở, khuyến khích người dân xây và sử dụng nhà tiêu HVS.

- Phối hợp với TT YTDP và TTYT huyện, các đơn vị liên quan tổ chức các buổi truyền thông trực tiếp theo Mô hình Vệ sinh tổng thể có sự tham gia của cộng đồng (CLTS). Trạm y tế xã phối hợp với TTYTDP huyện tổ chức đối với một số thôn bản có tỷ lệ nhà tiêu thấp, hoặc các phương pháp truyền thông trực tiếp khác theo định hướng của Chương trình. Phối hợp lựa chọn các cán bộ nòng cốt, các cộng tác viên để triển khai các hoạt động của Chương trình. Tham mưu đề xuất các hoạt động truyền thông phù hợp với địa phương.

2.2.3. Các hoạt động truyền thông tại cấp thôn:

Phần lớn các nỗ lực BCC sẽ được tập trung vào những mục tiêu phát huy hiệu quả nhất trong thay đổi hành vi: ở hộ gia đình, thôn/bản, ở cấp xã; ở mẫu giáo, tiểu

học sau khi tiếp nhận các công trình mới trong chương trình. Cách tiếp cận chung là thông qua chiến dịch truyền thông thay đổi hành vi được thực hiện bởi các cán bộ y tế thôn/bản, được hỗ trợ bởi cộng tác viên, hội phụ nữ, các đơn vị liên quan.

- Vẽ bản đồ vệ sinh thôn bản: Bản đồ vệ sinh thôn bản thể hiện rõ tình trạng vệ sinh của từng hộ: có nhà tiêu cải thiện, có nhà tiêu không hợp vệ sinh, hoặc chưa có nhà tiêu. Mỗi thôn sẽ xây dựng bản đồ vệ sinh của thôn mình và cập nhật sự thay đổi tình hình vệ sinh thôn theo định kỳ. Bản đồ thôn sẽ được tuyên truyền viên sử dụng trong các buổi họp thôn chuyên về vệ sinh, trong các buổi họp lồng ghép và được treo ở nhà văn hóa thôn.

- Các cuộc họp thôn chuyên đề về vệ sinh: Họp thôn chuyên đề về vệ sinh sẽ do cán bộ y tế thôn bản cùng với trưởng thôn điều hành. Mỗi thôn sẽ tổ chức ít nhất 2 cuộc họp thôn chuyên về vệ sinh/năm. Cuộc họp thôn thứ nhất, tập trung nâng cao nhận thức và tuyên truyền các lợi ích của nhà tiêu cải thiện và giới thiệu bản đồ vệ sinh thôn. Cuộc họp thôn thứ hai sẽ tập trung cung cấp các thông tin về các cơ sở cung ứng nhà tiêu, giá thành và phương án mua hàng. Thu được cam kết và kế hoạch xây nhà tiêu của người dân; tập trung cập nhật bản đồ vệ sinh thôn và nâng cao nhận thức của người dân về cách sử dụng và bảo quản nhà tiêu đúng cách.

Họp thôn chuyên về vệ sinh sẽ được tổ chức trong năm đầu tiên ở các xã can thiệp. Các năm sau không tổ chức họp chuyên đề mà họp lồng ghép trong các cuộc họp của các tổ chức đoàn thể hoặc các cuộc họp khác của thôn.

- Họp lồng ghép (kết hợp nội dung vệ sinh trong các cuộc họp thôn thông thường): Các cuộc họp thường kỳ trong thôn sẽ đưa thêm các nội dung về vệ sinh vào trong chương trình cuộc họp, để cung cấp các thông tin cập nhật về các vấn đề vệ sinh và tình trạng vệ sinh trong thôn.

- Thăm hộ gia đình: Các tuyên truyền viên thôn bản sẽ đến thăm các hộ dân và vận động hộ dân xây nhà tiêu cải thiện, kết nối hộ dân với các cơ sở cung ứng nhà tiêu và các cộng tác viên bán hàng, hoặc hướng dẫn cho hộ cách tự xây nhà tiêu.

Tần suất thực hiện: Tuyên truyền viên thôn bản thực hiện thăm ít nhất 5 hộ gia đình/tháng. Các tuyên truyền viên có thể thành lập 1 đoàn các ban ngành trong thôn hoặc có thể phân công nhiệm vụ cho mỗi tuyên truyền viên đến thăm từng hộ gia đình trong thôn do mình đảm nhiệm tuyên truyền.

- Tuyên truyền trên loa phát thanh của thôn: Phát đĩa truyền thanh, thông báo cho hộ các tin ngắn về tình hình vệ sinh tại địa phương, để mời hộ dân tham gia họp thôn hoặc tham gia các sự kiện công cộng và để tuyên truyền các thông tin về xây dựng, sử dụng và bảo quản nhà tiêu. Trong trường hợp các xã có mạng lưới loa kết nối đến từng thôn, hoạt động này sẽ được thực hiện ở xã.

Phát các tiểu phẩm truyền thông: Trưởng thôn sẽ sử dụng đĩa để phát tin qua loa phát thanh của thôn mình

Các bản tin mời họp: Sẽ do trưởng thôn điền vào mẫu của dự án và đọc trên loa.

Các bản tin thông báo tình hình nhà tiêu, hướng dẫn cách sử dụng và bảo quản nhà tiêu: Sẽ do trưởng thôn cập nhật số liệu nhà tiêu HVS trong thôn và viết bài, đọc trên loa phát thanh

- Phối hợp với các cộng tác viên bán hàng: Tuyên truyền viên và các ban ngành đoàn thể của thôn sẽ phối hợp với các công tác viên bán hàng để giới thiệu về các dịch vụ và sản phẩm vệ sinh giá rẻ.

2.3. Các hoạt động phát triển thị trường vệ sinh:

Tỉnh sẽ cân nhắc để lựa chọn và phát triển mô hình kinh doanh dựa trên các mô hình gợi ý của Chương trình, đề xuất như sau:

- Cửa hàng tiện ích (CHTI)- cung cấp dịch vụ trọn gói: CHTI là một mô hình cửa hàng bán lẻ mà tại đó các khách hàng có thể mua tất cả các vật liệu và trang thiết bị cần thiết để xây một nhà tiêu cải thiện hoàn chỉnh. Các cửa hàng này có thể cung cấp các dịch vụ khác nhau như dịch vụ xây dựng, vận chuyển, tư vấn cho hộ gia đình về loại nhà tiêu phù hợp, cách sử dụng và bảo quản nhà tiêu, hỗ trợ tài chính hoặc bảo hành sản phẩm để người dân chọn được loại hình phù hợp với nhu cầu và khả năng tài chính của gia đình mình với mức giá chuẩn và chất lượng tốt. Người dân có thể sử dụng một phần hoặc toàn bộ dịch vụ của các CHTI tùy theo nhu cầu của gia đình mình. Cách tiếp cận chung của tỉnh nhằm tăng khả năng sử dụng dịch vụ vệ sinh là thông qua mô hình Cửa hàng tiện ích đối với vùng có thị trường mua bán vật liệu và trang thiết bị vệ sinh.

- Dịch vụ từng phần hoặc cửa hàng bán tiện ích: Đối với những vùng chưa có thị trường mua bán vật liệu sẽ áp dụng mô hình dịch vụ tại chỗ thông qua các nhóm thợ xây hay tuyên truyền viên ở cộng đồng.

- Ngoài Mô hình CHTI, ở những cộng đồng vùng sâu vùng xa hơn, cách thức tiếp cận các sản phẩm và dịch vụ vệ sinh có thể sẽ thay đổi theo điều kiện thực tiễn tại từng xã nhằm tăng hiệu quả đạt được của mô hình này. Như thiết lập các đại lý bán hàng cho các CHTI cấp huyện, hoặc việc cung cấp bộ đồ lắp ráp và khuôn trực tiếp cho cộng đồng, cùng với đào tạo cho thợ xây tại địa phương, để nhà tiêu được xây dựng đúng tiêu chuẩn kĩ thuật.

- Các hoạt động sau sẽ được thực hiện để hỗ trợ phát triển CHTI, bao gồm:

+ Lựa chọn và thành lập Cửa hàng tiện ích: TTYTDP sẽ hỗ trợ thành lập các CHTI tại xã, hoặc các mô hình cung cấp dịch vụ vệ sinh phù hợp tại từng địa phương. lựa chọn mạng lưới hỗ trợ CHTI (CTV bán hàng cấp thôn và thợ xây). Hệ thống cửa hàng tiện ích sẽ được thành lập theo từng năm tương ứng với năm can thiệp tại xã.

+ Đào tạo nâng cao năng lực cho CHTI và mạng lưới hỗ trợ: Tập huấn cho CHTI và thợ xây về các loại nhà tiêu HVS và kỹ thuật xây dựng. Tập huấn cho CTV về các loại nhà tiêu HVS và kỹ năng bán hàng. Tập huấn cho CHTI về lập kế hoạch kinh doanh và hỗ trợ họ vận hành và quản lý cửa hang.

+ Kết nối nhóm GVQV và CHTI: Các xã/ thôn dự kiến sẽ thành lập các nhóm góp vốn quay vòng (GVQV) tại các thôn, từ đó kết nối nhóm GVQV và các

CHTI. Đây là hoạt động tuyên truyền, vận động các thành viên trong nhóm GVQV tham gia sử dụng vốn quay vòng của nhóm vào mục đích xây nhà tiêu cải thiện thông qua dịch vụ được cung cấp của cửa hàng tiện ích do các Cộng tác viên bán hàng, Hội phụ nữ xã, thôn và những người đang điều hành và quản lý nhóm GVQV thực hiện.

- Mô hình dịch vụ từng phần sẽ được áp dụng mô hình này đối với nơi thị trường chưa phát triển. Thông qua các nhóm thợ xây hay tuyên truyền viên ở cộng đồng bao gồm các hoạt động như:

+ Thợ xây đúc ống bi và lắp đặt ống bi, tấm nanh bê tông hoặc xây dựng tại hộ gia đình; Cho thuê/mượn khuôn đổ ống buy.

+ Cửa hàng bán lẻ kiêm lắp đặt dụng cụ, thiết bị nhà tiêu.

+ Mô hình cửa hàng bán lẻ kiêm việc sản xuất phụ kiện, tấm nanh bê tông và lắp đặt nhà tiêu quy mô trung bình.

+ Mô hình cơ sở cung cấp dịch vụ đúc ống bi và lắp đặt nhà tiêu tại chỗ- quy mô nhỏ.

+ Mô hình này còn bao gồm các dịch vụ tư vấn kỹ thuật nhà tiêu của cán bộ y tế, thợ xây, dịch vụ hỗ trợ tài chính, vận chuyển, dịch vụ hút, thông tắc bể phốt...

+ Mô hình người dân tự xây dựng nhà tiêu HVS. Các hộ dân sẽ tự mua nguyên vật liệu và sẽ quyết định lựa chọn loại nguyên vật liệu với giá cả phù hợp với điều kiện của gia đình. Hộ gia đình tự tìm hiểu về kỹ thuật xây dựng, thông thường qua hàng xóm, thợ xây và các tài liệu truyền thông của ngành y tế. Sau đó hộ gia đình sẽ thực hiện việc xây dựng nhà tiêu. Loại nhà tiêu thông thường là nhà tiêu hai ngăn ủ phân tại chỗ hoặc nhà tiêu thấm dội với kỹ thuật đơn giản. Việc hộ gia đình tự xây nhà tiêu cần được khuyến khích do tiết kiệm được kinh phí, hộ gia đình hiểu biết hơn trong sử dụng, duy trì. Mô hình này cũng rất thích hợp với việc nâng cấp, sửa chữa nhà tiêu là công việc mà thợ xây ít muốn làm. Tuy nhiên lưu ý là cần có hoạt động truyền thông cho hộ gia đình về kỹ thuật xây dựng nhà tiêu để đảm bảo nhà tiêu được xây đúng kỹ thuật.

2.4. Truyền thông thay đổi hành vi trong trường học:

Hoạt động truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh trong trường học do ngành giáo dục thực hiện, nhưng ngành y tế sẽ tham gia tư vấn, hỗ trợ về chuyên môn. Các hoạt động cụ thể bao gồm:

- In ấn và cung cấp tài liệu tuyên truyền: Trên cơ sở các bộ tài liệu của chương trình được thiết kế dành cho ngành Giáo dục. Bộ Y tế phát cho ngành giáo dục các tỉnh. Ngành giáo dục căn cứ vào kế hoạch, số lượng cụ thể từng năm để in ấn tài liệu và cung cấp cho các nhà trường thuộc địa bàn tại 45 xã "Vệ sinh toàn xã". Tài liệu tuyên truyền gồm tài liệu hướng dẫn Giáo dục vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường dùng trong các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở. Tài liệu tập huấn giáo viên nguồn; Tài liệu tập huấn cho giáo viên; Tài liệu truyền thông cho học sinh, giáo viên và cho cha mẹ học sinh.

- Các hoạt động truyền thông trong trường học sẽ bao gồm:

+ Truyền thông tại các buổi chào cờ đầu tuần.

+ Treo pano, áp phích hướng dẫn sử dụng nhà tiêu, rửa tay với nước sạch và xà phòng tại những khu vực cần thiết trong trường.

+ Truyền thông lồng ghép vào các tiết học trong chương trình.

+ Tổ chức các hoạt động ngoại khóa như thi vẽ tranh, thi biểu diễn văn nghệ với chủ đề về vệ sinh, thi kiến thức...

+ Tổ chức các tiết học ngoại khóa về sử dụng và bảo quản nhà vệ sinh đúng cách.

2.5. Truyền thông cấp nước sạch nông thôn:

- Cập nhật và làm mới Pa-nô thông tin về dự án trên các địa bàn.

- Tuyên truyền trên phương tiện truyền thông đại chúng để truyền thông về thông tin và hoạt động, đặc điểm của dự án.

- Tuyên truyền, phổ biến chính sách và kế hoạch mở rộng cho vay vốn ưu đãi của Ngân hàng chính sách xã hội để đấu nối nước hoặc xây dựng nhà tiêu hộ gia đình.

- Tập huấn và tuyên truyền sâu rộng đến hộ dân về sử dụng nước.

- Tham khảo ý kiến, lựa chọn dự án và vận động sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động xây dựng hệ thống công trình cấp nước.

- Tập huấn cho đại diện cộng đồng dân cư nông thôn về tuyên truyền vận động, huy động sự tham gia của cộng đồng.

- Dựng pa-nô tuyên truyền về thu phí và đấu nối nước hàng năm.

- Tuyên truyền vận động hộ dân đấu nối vào hệ thống công trình cấp nước và trả phí sử dụng nước.

- Các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức trong cộng đồng và các tổ chức đoàn thể như thi tìm hiểu về nước sạch và VSMT, sử dụng nước tiết kiệm, hoặc vệ sinh cá nhân, vệ sinh hộ gia đình.

- Tuyên truyền lồng ghép với các cuộc họp của hội, đoàn thể và họp dân trong cộng đồng dân cư nông thôn để truyền thông nâng cao nhận thức về giữ gìn nguồn nước, quản lý, khai thác và bảo vệ công trình cấp nước sạch nông thôn.

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, bảo đảm các cơ chế chính sách của Nhà nước về lĩnh vực nông thôn đến người dân và cơ chế chính sách của Chương trình.

- Phổ biến các tài liệu truyền thông của dự án như: tờ rơi, Sổ tay, đĩa CD, video clip,...

- Hội thảo đánh giá, rút ra bài học, kinh nghiệm thực hiện các hoạt động truyền thông về nước sạch nông thôn của dự án hoạt động hiệu quả để phổ biến, nhân rộng; giới thiệu các mô hình, phương pháp tiếp cận truyền thông hiệu quả và phù hợp được giới thiệu và áp dụng tại Việt nam.

V. KÍNH PHÍ: (Đơn vị tính VNĐ).

1. Đối với hoạt động do ngành y tế thực hiện:

TT	Cấp/hoạt động	Tổng số tiền	Nguồn kinh phí		
			Trung ương	Địa phương	Ghi chú
1	Cấp tỉnh	8.659.664.000	6.775.040.000	1.884.624.000	
2	Cấp huyện	1.918.280.000	1.500.800.000	417.480.000	
3	Cấp xã	3.090.156.000	2.421.660.000	668.496.000	
	Tổng	13.668.100.000	10.697.500.000	2.970.600.000	

Tổng kinh phí cho hoạt động truyền thông (hợp phần 3) là 13.668.100.000 đồng (có dự toán chi tiết kèm theo) trong đó vốn vay Ngân hàng thế giới là 10.697.500.000 đồng, vốn đối ứng của tỉnh là 2.970.600.000 đồng.

Ngoài kinh phí thực hiện các hoạt động truyền thông (hợp phần 3), Ngành Y tế thực hiện thêm hợp phần 2: Vệ sinh nông thôn. Nội dung thực hiện là hỗ trợ hộ gia đình xây dựng **24.498** nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình (nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách) tại 45 xã Vệ sinh toàn xã với tổng kinh phí **7.408.100.000 đồng** (Trung bình hỗ trợ 1.122.500 đồng/nhà tiêu). Hỗ trợ xây dựng, cải tạo công trình nước sạch và nhà tiêu Trạm Y tế xã là 54 công trình với tổng kinh phí **11.314.800.000 đồng.**

Tổng kinh phí thực hiện hợp phần 2 Vệ sinh nông thôn và hợp phần 3 truyền thông đối với Ngành Y tế là: **32.391.000.000 đồng.**

2. Đối với hoạt động truyền thông vệ sinh tại trường học do ngành giáo dục thực hiện:

STT	Cấp/hoạt động	Số tiền	Nguồn kinh phí		
			Trung ương	Địa phương	Ghí chú
1	Cấp tỉnh	1.399.790.600	1.399.790.600	0	
2	Cấp huyện				
3	Cấp xã				
	Tổng cộng	1.399.790.600	1.399.790.600	**0**	

3. Đối với hoạt động truyền thông Nước sạch do Ngành Nông nghiệp thực hiện:

TT	Cấp/hoạt động	Tổng số tiền	Nguồn kinh phí		
			Trung ương	Địa phương	Ghi chú
1	Cấp tỉnh	1.153.764.000	1.153.764.000	0	
2	Cấp huyện, xã	1.117.636.000	1.117.636.000	0	
	Tổng	2.271.400.000	2.271.400.000	**0**	

Khung hoạt động truyền thông thay đổi hành vi

CẤP TRIỂN KHAI	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG
CẤP TỈNH	1. Tổ chức hội nghị triển khai về chương trình vệ sinh: tầm quan trọng về vệ sinh, phương pháp thực hiện và sự hỗ trợ cần thiết của các cấp lãnh đạo để thúc đẩy vệ sinh nông thôn (cấp tỉnh, cấp huyện). 2. Xây dựng kế hoạch triển khai và giám sát thực hiện chương trình bao gồm cả văn bản cam kết và hợp đồng trách nhiệm với các đơn vị/cấp liên quan. 3. Tập huấn TOT cho các cán bộ nòng cốt cấp tỉnh, huyện về QLVH công trình cấp nước sau đầu tư trên địa bàn tỉnh, truyền thông nâng cao nhận thức cho người dân về Nước sạch và vệ sinh môi trường, phát triển thị trường vệ sinh, giám sát đánh giá... 4. Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng (Đài truyền hình và báo) bao gồm (i) phát thông điệp truyền thông (dựa theo clip đã có), (ii) xây dựng và phát phóng sự/tọa đàm/bản tin truyền thông, (iii) Viết và đăng các bài trên báo/tập san. 5. Hướng dẫn và hỗ trợ lựa chọn mô hình kinh doanh và hoạt động phát triển thị trường: lực chọn và tập huấn cửa hàng tiện ích, hỗ trợ CHTI phát triển thị trường… 6. Tổ chức các sự kiện truyền thông vận động chính sách, cộng đồng như lễ mít tinh hưởng ứng tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, ngày vệ sinh yêu nước, ngày thế giới rửa tay với xà phòng, ngày nhà tiêu thế giới (ít nhất 1 năm/1 lần). 7. Triển khai thực hiện: giám sát, đánh giá. 8. Tổ chức các chuyến tham quan/chia sẻ kinh nghiệm giữa các địa phương (xã với xã, huyện với huyện, tỉnh với tỉnh). 9. Tổ chức giao ban/họp định kỳ ít nhất 2 lần/năm. 10. Kiểm tra và xét nghiệm chất lượng nước theo quy chuẩn cho trường học và trạm y tế. 11. Phối hợp với Đơn vị kiểm đếm để xác nhận các xã đạt "vệ sinh toàn xã". 12. In ấn và phân phối tài liệu truyền thông theo hướng dẫn của Cục QLMTYT bao gồm sao chép tài liệu nghe nhìn (băng đĩa) và tài liệu truyền thông trực tiếp catalogue sản phẩm, poster, tờ rơi truyền thông, sổ tay hướng dẫn triển khai Chương trình tại các cấp, … 13. Sản xuất và cấp phát khuôn bi bê tông, pa nô, mô hình nhà tiêu mẫu và các công cụ truyền thông khác phù hợp với từng địa phương. 14. Tổ chức công nhận xã đạt vệ sinh toàn xã.

	15. Hỗ trợ huyện và xã giám sát để duy trì tính bền vững với các xã đã đạt vệ sinh toàn xã. 16. Hội thảo tổng kết cuối năm và triển khai kế hoạch năm tiếp theo.
CẤP HUYỆN	1. Tổ chức hội nghị triển khai về chương trình vệ sinh: tầm quan trọng về vệ sinh, phương pháp thực hiện và sự hỗ trợ cần thiết của các cấp lãnh đạo để thúc đẩy vệ sinh nông thôn. 2. Xây dựng kế hoạch triển khai và hệ thống giám sát chương trình bao gồm văn bản cam kết và hợp đồng trách nhiệm với các đơn vị/cấp liên quan. 3. Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng (Đài truyền hình) bao gồm (i) phát thông điệp truyền thông (dựa theo clip đã có), (ii) xây dựng và phát phóng sự/tọa đàm/bản tin truyền thông. 4. Phối hợp với tỉnh để tổ chức các sự kiện truyền thông vận động cộng đồng như lễ mít tinh hưởng ứng ngày vệ sinh yêu nước, ngày thế giới rửa tay với xà phòng, ngày nhà tiêu thế giới. 5. Hướng dẫn và hỗ trợ hoạt động phát triển thị trường: lực chọn và tập huấn cửa hàng tiện ích, hỗ trợ CHTI phát triển thị trường... 6. Tập huấn cho cửa hàng tiện ích, thợ xây và cộng tác viên bán hang (có thể gộp huyện để tổ chức chung 1 lớp). 7. Tập huấn cho cán bộ xã và tuyên truyền viên (có thể gộp huyện để tổ chức chung 1 lớp).. 8. Trực tiếp tổ chức các buổi truyền thông trực tiếp tại cộng đồng. 9. Phối hợp với Đoàn kiểm đếm công nhận các xã đạt "vệ sinh toàn xã. 10. Hỗ trợ các huyện/xã triển khai thực hiện: giám sát, đánh giá. 11. Tổ chức giao ban/họp định kỳ ít nhất 3 tháng/1 lần, báo cáo, giám sát định kỳ. 12. Hội thảo tổng kết cuối năm và triển khai kế hoạch năm tiếp theo. 13. Hỗ trợ tỉnh trong kiểm tra và giám sát chất lượng nước theo quy chuẩn cho trường học và trạm y tế. 14. Giám sát xã để duy trì tính bền vững với các xã đã đạt vệ sinh toàn xã.
CẤP XÃ	1. Xây dựng văn bản cam kết của lãnh đạo xã thực hiện chương trình đạt vệ sinh toàn xã. 2. Hội nghị triển khai chương trình vệ sinh nông thôn. 3. Lập kế hoạch triển khai và giám sát, hỗ trợ thực hiện ở các thôn. 4. Tổ chức các sự kiện truyền thông về vệ sinh như ngày hội vệ sinh đẩy mạnh phong trào thi đua thúc đẩy vệ sinh giữa các thôn (1 lần/năm). 5. Lắp đặt các cụm pano, áp phích truyền thôn, vẽ tranh tường về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường tại các trạm y tế xã, trường học và nơi công cộng.

	6. Phát chương trình vệ sinh trên loa phát thanh của xã. 7. Hỗ trợ huyện lựa chọn cộng tác viên bán hàng, cửa hàng tiện ích và thợ xây 8. Hỗ trợ tổ chức hoạt động truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh trường học. 9. Giám sát, hỗ trợ hoạt động ở thôn, báo cáo định kỳ. 10. Phối hợp với Đoàn đánh giá đọc lập công nhận các xã đạt "vệ sinh toàn xã". 11. Họp giao ban và Báo cáo định kỳ. 12. Giám sát xã để duy trì tính bền vững với các xã đã đạt vệ sinh toàn xã. 13. Phối hợp tổ chức truyền thông trực tiếp tại các thôn/bản.
CẤP THÔN	1. Lập bản đồ vệ sinh thôn/bản. 2. Họp thôn về vệ sinh (ít nhất 2 lần/thôn). 3. Họp lồng ghép vào các cuộc họp thôn định kỳ/các cuộc họp của ban ngành/đoàn thể (HPN, đoàn thanh niên....) để duy trì và tiếp tục thúc đẩy xây và sử dụng nhà tiêu HVS. 4. Thăm hộ gia đình vận động xây và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh. 5. Phối hợp với Cộng tác viên bán hàng để giới thiệu về dịch vụ xây nhà tiêu của cửa hàng tiện ích. 6. Phát thông điệp trên loa/đài. 7. Tham gia họp giao ban, báo cáo định kỳ của xã. 8. Tham gia các hoạt động của xã. 9. Phối hợp với Đoàn đánh giá độc lập và xác nhận các xã đạt "vệ sinh toàn xã". 10. Giám sát xã để duy trì tính bền vững với các xã đã đạt vệ sinh toàn xã.
TRƯỜNG HỌC	1. Tập huấn ToT cho sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT, và Ban giám hiệu/giáo viên: mầm non, tiểu học. 2. Triển khai các hoạt động truyền thông trong trường học: tuyên truyền trong lễ chào cờ, giờ ngoại khóa, qua hoạt động của đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. 3. In ấn tài liệu truyền thông và hướng dẫn sử dụng cho các trường học. 4. Duy trì hoạt động truyền thông vào các hoạt động thường xuyên của trường học.

(Có khung kế hoạch và dự toán chi tiết đính kèm)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang:

Ủy ban nhân dân tỉnh là Cơ quản chủ quản, chịu trách nhiệm quản lý, chỉ đạo, phân giao nhiệm vụ cho các Sở, ngành trong việc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

Phê duyệt Kế hoạch truyền thông vệ sinh thuộc Chương trình Mở rộng Quy mô vệ sinh và nước sạch dựa trên kết quả giai đoạn 2016 - 2020 và từng năm của tỉnh.

Bố trí kinh phí cho việc thực hiện Kế hoạch truyền thông của tỉnh từ nguồn kinh phí Trung ương đã giao, từ ngân sách của địa phương (vốn đối ứng) và tổ chức huy động các nguồn lực trên địa bàn để thực hiện.

Chỉ đạo các Sở, ban ngành liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch truyền thông theo lĩnh vực được phân công.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Là cơ quan Thường trực Chương trình chịu trách nhiệm điều phối, xây dựng và tổng hợp kế hoạch; phối hợp với các sở, ngành trong quản lý, điều phối, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của tỉnh, tổng hợp báo cáo về các hoạt động của Chương trình theo quy định.

3. Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn:

Chịu trách nhiệm xây dựng, tổ chức và thực hiện hoạt động truyền thông thay đổi hành vi về Nước sạch nông thôn.

Chuẩn bị kế hoạch và ngân sách năm về thực hiện hợp phần Nước sạch Nông thôn.

Giám sát và đánh giá tiến độ của các hoạt động Nước sạch.

Phối hợp với các bên liên quan; cung cấp hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát kỹ thuật cho cấp huyện và xã trong thực hiện các hoạt động Nước sạch nông thôn...

Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn sẽ tổng hợp bản kế hoạch Truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh của tỉnh (gồm kế hoạch của ngành y tế và ngành giáo dục) trình các cấp của tỉnh phê duyệt.

4. Sở Y tế:

Chỉ đạo Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh làm đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai các hoạt động truyền thông vệ sinh trong Chương trình.

5. Trung tâm Y tế dự phòng Tỉnh (TTYTDP Tỉnh):

Chịu trách nhiệm xây dựng, tổ chức và thực hiện hoạt động truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh.

Chuẩn bị kế hoạch và ngân sách năm về thực hiện hợp phần vệ sinh.

Giám sát và đánh giá tiến độ của các hoạt động vệ sinh.

Phối hợp với các bên liên quan; cung cấp hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát kỹ thuật cho cấp huyện và xã trong thực hiện các hoạt động vệ sinh...

Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh sẽ tổng hợp bản kế hoạch Truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh của tỉnh (gồm kế hoạch của ngành y tế và ngành giáo dục) để gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình tỉnh phê duyệt.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo:

Chịu trách nhiệm xây dựng, tổ chức và thực hiện các hoạt động về vệ sinh ở trường học.

Phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh để hoàn thiện bản kế hoạch Truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh của tỉnh (gồm kế hoạch của ngành y tế và ngành giáo dục) để gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Phối hợp với Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh về hỗ trợ trường học vận hành và bảo dưỡng các công trình nước.

7. Ủy ban nhân dân huyện:

Chịu trách nhiệm chỉ đạo các phòng, ban của huyện đặc biệt là Trung tâm Y tế huyện và Ủy ban nhân dân các xã, trạm y tế, trường học phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan triển khai thực hiện công tác truyền thông thay đổi hành vi về nước sạch, vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân trên địa bàn.

8. Trung tâm Y tế các huyện:

Là đơn vị đầu mối các hoạt động truyền thông tại tuyến huyện, xã chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan và trực tiếp thực hiện các hoạt động thuộc tuyến huyện, chỉ đạo, giám sát hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật các hoạt động tuyến xã, thôn bản. Thống kê báo cáo về tiến độ triển khai các hoạt động cho UBND huyện và Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh.

9. Các tổ chức liên quan:

Trong thực hiện kế hoạch BCC các cấp bao gồm Hội liên hiệp phụ nữ và các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức phi chính phủ quốc tế và Việt Nam, các tổ chức tín dụng, NHCSXH và khu vực tư nhân như các nhà sản xuất, cung cấp, các cửa hàng tiện ích, thợ xây…

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Quang

Phụ lục 1:

KẾ HOẠCH CẤP TỈNH

HỢP PHẦN TRUYỀN THÔNG VỆ SINH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỞ RỘNG VỆ SINH VÀ NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN DỰA TRÊN KẾT QUẢ NĂM 2016

Địa bàn can thiệp

TT	Huyện	Số xã đạt vệ sinh toàn xã	Số dân hưởng lợi	Tổng kinh phí
1	Yên Sơn	03	23.140	1.699.944.000

Các hoạt động truyền thông cấp tỉnh

TT	Tên hoạt động	Số lần	Thời gian Dự kiến	Đơn vị thực hiện		Kinh phí
				Đầu mối	Phối hợp	
	Xây dựng kế hoạch năm	01	Trước 31/7	Sở Y tế (TTYTDP)	Sở NN&PTNT, Sở Giáo dục và đào tạo	
1	Tổ chức hội nghị triển khai về chương trình vệ sinh: tầm quan trọng về vệ sinh, phương pháp thực hiện và sự hỗ trợ cần thiết của các cấp lãnh đạo để thúc đẩy vệ sinh nông thôn	01	Tháng 10/2016	Sở Y tế (TTYTDP)	Sở NN&PTNT, Sở Giáo dục và đào tạo	30.273.000
2	Tổ chức tổng kết năm trước và triển khai kế hoạch năm sau	01	Tháng 12	Sở Y tế (TTYTDP)	Sở NN&PTNT, Sở Giáo dục và đào tạo	30.273.000
3	Xây dựng kế hoạch triển khai và hệ thống giám sát chương trình bao gồm văn bản cam kết và hợp đồng trách nhiệm với các đơn vị/cấp liên quan	01	30/6/2016	TTYT Dự phòng	Sở Giáo dục, TTYT huyện, các xã triển khai	0
4	Tập huấn TOT cho các cán bộ nòng cốt cấp tỉnh, huyện về truyền thông, phát triển thị trường vệ sinh, giám sát đánh giá...	01	Tháng 8	TTYT Dự phòng	Trung tâm Y tế huyện, hội PN huyện	79.935.000
6	Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng (Đài truyền hình và báo) bao gồm (i) phát thông điệp truyền thông (dựa theo clip đã có), (ii) xây dựng		Tháng 9, tháng 11	TTYT Dự phòng	Báo Tuyên Quang, Đài TH Tuyên Quang	5.500.000

	và phát phóng sự/tọa đàm/bản tin truyền thông, (iii) Viết và đăng các bài trên báo/tập san.					
7	Tổ chức lễ phát động ngày nhà tiêu thế giới 11/9	01	Tháng 11	TTYT Dự phòng	Báo Tuyên Quang, Đài TH Tuyên Quang, UBND huyênTrung tâm Y tế huyện, hội PN huyện	84.000.000
8	In và phân phối tài liệu truyền thông thông theo hướng dẫn của Cục QLMTYT bao gồm sao chép tài liệu nghe nhìn (băng đĩa) và tài liệu truyền thông trực tiếp catalogue sản phẩm, poster, tờ rơi truyền thông, sổ tay hướng dẫn triển khai Chương trình tại các cấp, …		Tháng 10	TTYT Dự phòng	Trung tâm Y tế huyện, TYT xã	184.400.000
9	Kiểm tra chất lượng nước	01	Tháng 11	TTYT Dự phòng	Trung tâm Y tế huyện	10.800.000
10	Hướng dẫn và hỗ trợ lựa chọn mô hình kinh doanh và hoạt động phát triển thị trường: lực chọn và tập huấn cửa hàng tiện ích, hỗ trợ CHTI phát triển thị trường…….		Tháng 10	TTYT Dự phòng	Trung tâm Y tế huyện, TYT xã	
11	Hỗ trợ các huyện/xã triển khai thực hiện, giám sát, đánh giá					24.800.000
12	Phát triển cửa hàng tiện ích	03	Tháng 9	TTYT Dự phòng	Trung tâm Y tế huyện, TYT xã	78.640.000
13	Tổ chức giao ban/họp định kỳ ít nhất 3 tháng/1 lần, báo cáo, giám sát định kỳ					
14	Kiểm tra và giám sát chất lượng nước theo quy chuẩn cho trường học và trạm y tế					
15	Phối hợp với Đơn vị kiểm đếm để xác nhận các xã đạt "Vệ sinh toàn xã"			TTYT Dự phòng	Trung tâm Y tế huyện, TYT xã	
16	Điều tra ban đầu về các xã vệ sinh toàn xã năm 2016 và năm 2017	2	Tháng 3 và tháng 10	TTYT Dự phòng	Trung tâm Y tế huyện, TYT xã	71.625.000
	Tổng cộng					**600.246.000đ**

Phụ lục 2:

HUYỆN YÊN SƠN

KẾ HOẠCH CẤP HUYỆN

HỢP PHẦN TRUYỀN THÔNG VỆ SINH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỞ RỘNG QUY MÔ VỆ SINH VÀ NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN DỰA TRÊN KẾT QUẢ NĂM 2016

Địa bàn can thiệp

TT	Tên xã can thiệp để đạt vệ sinh toàn xã	Số thôn trong xã	Tổng số hộ trong xã	Số dân hưởng lợi trong xã	Tỷ lệ nhà tiêu HVS đầu năm	Mục tiêu % nhà tiêu HVS cuối năm
	Hoàng Khai	15	1.359	5.578	51	>70
	Nhữ Hán	16	1.335	5.338	45.7	>70
	Thắng Quân	19	2.058	9.230	47	>70

Các hoạt động truyền thông

TT	Tên hoạt động	Số lần	Thời gian	Người thực hiện		Kinh phí
				Đầu mối	Phối hợp	
1	Tổ chức hội nghị triển khai về chương trình vệ sinh tại huyện: tầm quan trọng về vệ sinh, phương pháp thực hiện và sự hỗ trợ cần thiết của các cấp lãnh đạo để thúc đẩy vệ sinh nông thôn	04	Tháng 10	TTYT huyện	UBND xã, trạm y tế xã	20.175.000
2	Xây dựng kế hoạch triển khai và hệ thống giám sát chương trình bao gồm văn bản cam kết và hợp đồng trách nhiệm với các đơn vị/cấp liên quan	01	Tháng 10	TTYT huyện	UBND xã, trạm y tế xã	
	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế xã và tuyên truyền viên về truyền thông về nhà tiêu	05	Tháng 10	TTYTDP tỉnh	TTYT huyện, trạm y tế xã	75.210.000
5	Hướng dẫn và hỗ trợ lựa chọn mô hình kinh doanh và hoạt động phát triển thị trường: lực chọn và tập huấn cửa hàng tiện ích, hỗ trợ CHTI phát triển thị trường.....			TTYT huyện	TTYTDP tỉnh, UBND xã, trạm y tế xã	
6	Tập huấn cho cửa hàng tiện ích, thợ xây và cộng tác viên bán hàng (có thể mấy huyện tổ chức 1 lớp)	05	Tháng 9	TTYT huyện	TTYTDP tỉnh, UBND xã, trạm y tế xã	21.875.000

8	Phối hợp với Đoàn kiểm đếm công nhận các xã đạt "vệ sinh toàn xã		Tháng 12	Tổ kiểm đếm	TTYT huyện, TTYTDP tỉnh, trạm y tế xã	15.840.000
9	Hỗ trợ các huyện/xã triển khai thực hiện: giám sát,đánh giá,					
10	Tổ chức giao ban/họp định kỳ ít nhất 3 tháng/1 lần, báo cáo, giám sát định kỳ					
13	Giám sát xã để duy trì tính bền vững với các xã đã đạt vệ sinh toàn xã.					
	CỘNG					
	HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI TẠI CÁC XÃ TRONG HUYỆN	Số xã				
	TỔNG CỘNG					**133.100.000**

Phụ lục 3:

KẾ HOẠCH CẤP XÃ

HỢP PHẦN TRUYỀN THÔNG VỆ SINH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỞ RỘNG QUY MÔ VỆ SINH VÀ NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN DỰA TRÊN KẾT QUẢ VÀ NĂM 2016

TT	Tên hoạt động	Số lần	Thời gian Dự kiến	Người thực hiện		Kinh phí
				Đầu mối	Phối hợp	
HOẠT ĐỘNG CẤP XÃ						
1	Xây dựng văn bản cam kết của lãnh đạo xã thực hiện chương trình đạt vệ sinh toàn xã	01	Tháng 10	TYT xã	UBND xã	
2	Hội nghị triển khai chương trình vệ sinh nông thôn	03	Tháng 10	UBND xã	TYT xã	16.470.000
	Tập huấn cho công tác viên về kỹ năng tiếp thị vệ sinh	03	Tháng 10	TYT xã	UBND xã, TTYT huyện	37.245.000
3	Lập kế hoạch triển khai và giám sát, hỗ trợ thực hiện ở các thôn	03	Tháng 10	TYT xã	UBND xã	
5	Lắp đặt các cụm pano, áp phích truyền thôn, vẽ tranh tườngg về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường tại các trạm y tế xã, trường học và nơi công cộng.	03	Tháng 10	TYT xã	UBND xã	22.500.000
6	Phát chương trình vệ sinh trên loa phát thanh của xã	54	Tháng 10	TYT xã	UBND xã	630.000
	Tổ chức hội thi về vệ sinh môi trường	03	**Tháng 11**	UBND xã	TYT xã	29.358.000
7	Hỗ trợ huyện lựa chọn cộng tác viên bán hàng, cửa hàng tiện ích và thợ xây		Tháng 9	TYT xã	UBND xã	
8	Hỗ trợ tổ chức hoạt động truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh trường học		Tháng 10	Trường học	UBND xã, TYT xã	
9	Giám sát, hỗ trợ hoạt động ở thôn, báo cáo định kỳ					
10	Kiểm tra, phối hợp với TTYT tỉnh huyện kiểm đếm vệ sinh toàn xã					16.800.000
11	Họp giao ban và Báo cáo định kỳ	6		UBND xã	TYT xã	5.565.000
	Truyền thông lưu động tại xã	01	**Tháng 11**	UBND xã	TYT xã	7.150.000
	CỘNG					**135.718.000**

HOẠT ĐỘNG CẤP THÔN						
1	Lập bản đồ vệ sinh thôn/bản	48	Tháng 10	Các thôn	UBND xã, trạm y tế xã	38.400.000
2	Họp thôn về vệ sinh (ít nhất 2 lần/thôn)	96	Tháng 10, 11	Các thôn	UBND xã, trạm y tế xã	20.160.000
3	Họp lồng ghép vào các cuộc họp thôn định kỳ/các cuộc họp của ban ngành/đoàn thể (HPN, đoàn thanh niên....) để duy trì và tiếp tục thúc đẩy xây và sử dụng nhà tiêu HVS					
4	Thăm hộ gia đình vận động xây và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh		Tháng 10, 11,12	Thôn, xã	UBND xã, TTYT huyện	18.000.000
5	Phối hợp với Cộng tác viên bán hàng để giới thiệu về dịch vụ xây nhà tiêu của cửa hàng tiện ích					
6	Phát thông điệp trên loa/đài	288	Tháng 10, 11,12	Thôn, xã	UBND xã, TTYT huyện	4.320.000
7	Tham gia họp giao ban, báo cáo định kỳ của xã					
8	Tham gia các hoạt động của xã					
9	Phối hợp với Đoàn đánh giá độc lập và xác nhận các xã đạt "vệ sinh toàn xã"					
10	Giám sát xã để duy trì tính bền vững với các xã đã đạt vệ sinh toàn xã.					
	CỘNG					**80.880.000**

Phụ lục 4:

HỢP PHẦN TRUYỀN THÔNG VỆ SINH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỞ RỘNG QUY MÔ VỆ SINH VÀ NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN DỰA TRÊN KẾT QUẢ NĂM 2016

	NỘI DUNG	Số lần	Thời gian dự kiến	Người thực hiện		Kinh phí
				Đầu mối	Phối hợp	
1	Tập huấn ToT cho sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT, và Ban giám hiệu/giáo viên: Mầm non, tiểu học	01	Tháng 10	Sở Giáo dục và đào tạo	TTYT Dự phòng, , phòng giáo dục huyện, các trường	28.620.000
2	Giám sát đánh giá		Tháng 10, 11, 12	Sở Giáo dục và đào tạo	TTYT Dự phòng, , phòng giáo dục huyện, các trường	7.996.000
3	Tổ chức hoạt động ngoại khóa về vệ sinh (biểu diễn văn nghệ, các cuộc thi tìm hiểu, vẽ tranh...)	12	Tháng 10, 11, 12	Các trường	TTYT Dự phòng, , phòng giáo dục huyện, các trường	36.000.000
4	In ấn tài liệu truyền thông và hướng dẫn sử dụng cho các trường học		Tháng 10	Sở Giáo dục và đào tạo	TTYT Dự phòng	22.230.000
	CỘNG					**94.846.000**

NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT THỰC HIỆN

KHUNG KẾ HOẠCH NÂNG CAO NĂNG LỰC, TRUYỀN THÔNG, GIÁM SÁT, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ GIAI ĐOẠN 2016-2020
TIỂU HỢP PHẦN TRUYỀN THÔNG CHO NƯỚC SẠCH

KẾ HOẠCH TRUYỀN THÔNG CẤP TỈNH								
TT	**Tên hoạt động**	**Kết quả mong đợi**	**Thời gian**	**Địa điểm**	**Người thực hiện**		**Kinh phí**	**Văn bản cần lưu**
					Đầu mối	**Phối hợp**		
1	Tiền chi phí cho tổ chức hội họp, sơ kết, tổng kết đánh giá chương trình của Ban điều hành	Số cuộc: 01 cuộc Số đại biểu: 35 người	Năm 2016	Tại tỉnh	TTNS	Các đơn vị liên quan	*10.200.000*	Kế hoạch được phê duyệt
2	Chi phí khác (Phục vụ cho các hoạt động của Ban điều hành)		Năm 2016	Tại tỉnh	TTNS		25.000.000	Văn bản, chứng từ
3	Dự phòng		Năm 2016	Tại tỉnh	TTNS		1.800.000	
	Tổng						**37.000.000**	
1	Tiền chi phí cho tổ chức hội họp, sơ kết, tổng kết đánh giá chương trình của Ban điều hành	Số cuộc: 01 cuộc Số đại biểu: 35 người	Năm 2017	Tại tỉnh	TTNS	Các đơn vị liên quan	*20.400.000*	Kế hoạch được phê duyệt
2	Chi phí khác (Phục vụ cho các hoạt động của Ban điều hành)		Năm 2017	Tại tỉnh	TTNS	Các đơn vị liên quan	25.000.000	Văn bản, chứng từ
3	Tập huấn cho Ban quản lý các công trình cấp nước tập trung nông thôn	Số lớp: 01 Số học viên: 45 người	Năm 2017	Tại tỉnh	TTNS	Các đơn vị, xã liên quan	68.679.000	Kế hoạch được phê duyệt, ảnh chụp tập huấn
4	Tổ chức hoạt động hưởng ứng Tuần lễ quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường; Ngày nước Thế giới	Hoạt động: 01 Số đại biểu: 1000 người	Năm 2017	Tại tỉnh	TTNS	Các đơn vị liên quan	159.820.000	Kế hoạch được phê duyệt, ảnh chụp các hoạt động
5	*Chi hỗ trợ nhóm công tác soạn thảo quy chế hoạt động của Ban quản lý công trình cấp nước tập trung*		Năm 2017	Tại tỉnh	TTNS		1.200.000	
6	*Hỗ trợ chi phí cho Trung tâm Nước sạch & VSMT nông thôn tỉnh Tuyên Quang tổng hợp số liệu trên địa bàn 7 huyện, thành phố*		Năm 2017	Tại tỉnh	TTNS	Các đơn vị liên quan	4.092.000	Kế hoạch được phê duyệt, báo cáo hoạt động
	Tổng						**279.191.000**	

TT	Tên hoạt động	Kết quả mong đợi	Thời gian	Địa điểm	Người thực hiện		Kinh phí	Văn bản cần lưu
					Đầu mối	Phối hợp		
1	Tiền chi phí cho tổ chức hội họp, sơ kết, tổng kết đánh giá chương trình của Ban điều hành	Số cuộc: 01 cuộc Số đại biểu: 35 người	Năm 2018	Tại tỉnh	TTNS	Các đơn vị liên quan	*20.400.000*	Kế hoạch được phê duyệt
2	Chi phí khác (Phục vụ cho các hoạt động của Ban điều hành)		Năm 2018	Tại tỉnh	TTNS	Các đơn vị liên quan	25.000.000	Văn bản, chứng từ
3	Tập huấn cho Ban quản lý các công trình cấp nước tập trung nông thôn; tuyên truyền về nước sạch và VSMT nông thôn	Số lớp: 02 Số học viên: 90 người	Năm 2018	Tại tỉnh	TTNS	Các đơn vị, xã liên quan	128.499.000	Kế hoạch được phê duyệt, ảnh chụp tập huấn
4	Tổ chức hoạt động hưởng ứng Tuần lễ quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường; Ngày nước Thế giới	Hoạt động: 01 Số đại biểu: 1000 người	Năm 2018	Tại tỉnh	TTNS	Các đơn vị liên quan	100.000.000	Kế hoạch được phê duyệt, ảnh chụp các hoạt động
5	*Chi hỗ trợ nhóm công tác soạn thảo quy chế hoạt động của Ban quản lý công trình cấp nước tập trung*		Năm 2018	Tại tỉnh	TTNS		1.200.000	
6	*Hỗ trợ chi phí cho Trung tâm Nước sạch & VSMT nông thôn tỉnh Tuyên Quang tổng hợp số liệu trên địa bàn 7 huyện, thành phố*		Năm 2018	Tại tỉnh	TTNS	Các đơn vị liên quan	4.092.000	Kế hoạch được phê duyệt, báo cáo hoạt động
	Tổng						**279.191.000**	
1	Tiền chi phí cho tổ chức hội họp, sơ kết, tổng kết đánh giá chương trình của Ban điều hành	Số cuộc: 01 cuộc Số đại biểu: 35 người	Năm 2019	Tại tỉnh	TTNS	Các đơn vị liên quan	*20.400.000*	Kế hoạch được phê duyệt
2	Chi phí khác (Phục vụ cho các hoạt động của Ban điều hành)		Năm 2019	Tại tỉnh	TTNS	Các đơn vị liên quan	25.000.000	Văn bản, chứng từ
3	Tập huấn cho Ban quản lý các công trình cấp nước tập trung nông thôn; tuyên truyền về nước sạch và VSMT nông thôn	Số lớp: 02 Số học viên: 90 người	Năm 2019	Tại tỉnh	TTNS	Các đơn vị, xã liên quan	128.499.000	Kế hoạch được phê duyệt, ảnh chụp tập huấn
4	Tổ chức hoạt động hưởng ứng Tuần lễ quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường; Ngày nước Thế giới	Hoạt động: 01 Số đại biểu: 1000 người	Năm 2019	Tại tỉnh	TTNS	Các đơn vị liên quan	100.000.000	Kế hoạch được phê duyệt, ảnh chụp các hoạt động
5	*Chi hỗ trợ nhóm công tác soạn thảo quy chế hoạt động của Ban quản lý công trình cấp nước tập trung*		Năm 2019	Tại tỉnh	TTNS		1.200.000	

TT	Tên hoạt động	Kết quả mong đợi	Thời gian	Địa điểm	Người thực hiện		Kinh phí	Văn bản cần lưu
					Đầu mối	Phối hợp		
6	*Hỗ trợ chi phí cho Trung tâm Nước sạch & VSMT nông thôn tỉnh Tuyên Quang tổng hợp số liệu trên địa bàn 7 huyện, thành phố*		Năm 2019	Tại tỉnh	TTNS	Các đơn vị liên quan	4.092.000	Kế hoạch được phê duyệt, báo cáo hoạt động
	Tổng						**279.191.000**	
1	Tiền chi phí cho tổ chức hội họp, sơ kết, tổng kết đánh giá chương trình của Ban điều hành	Số cuộc: 01 cuộc Số đại biểu: 35 người	Năm 2020	Tại tỉnh	TTNS	Các đơn vị liên quan	*20.400.000*	Kế hoạch được phê duyệt
2	Chi phí khác (Phục vụ cho các hoạt động của Ban điều hành)		Năm 2020	Tại tỉnh	TTNS	Các đơn vị liên quan	25.000.000	Văn bản, chứng từ
3	Tập huấn cho Ban quản lý các công trình cấp nước tập trung nông thôn; tuyên truyền về nước sạch và VSMT nông thôn	Số lớp: 02 Số học viên: 90 người	Năm 2020	Tại tỉnh	TTNS	Các đơn vị, xã liên quan	68.679.000	Kế hoạch được phê duyệt, ảnh chụp tập huấn
4	Tổ chức hoạt động hưởng ứng Tuần lễ quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường; Ngày nước Thế giới	Hoạt động: 01 Số đại biểu: 1000 người	Năm 2020	Tại tỉnh	TTNS	Các đơn vị liên quan	159.820.000	Kế hoạch được phê duyệt, ảnh chụp các hoạt động
5	*Chi hỗ trợ nhóm công tác soạn thảo quy chế hoạt động của Ban quản lý công trình cấp nước tập trung*		Năm 2020	Tại tỉnh	TTNS		1.200.000	
6	*Hỗ trợ chi phí cho Trung tâm Nước sạch & VSMT nông thôn tỉnh Tuyên Quang tổng hợp số liệu trên địa bàn 7 huyện, thành phố*		Năm 2020	Tại tỉnh	TTNS	Các đơn vị liên quan	4.092.000	Kế hoạch được phê duyệt, báo cáo hoạt động
	Tổng						**279.191.000**	
KẾ HOẠCH TRUYỀN THÔNG CẤP HUYỆN + XÃ								
1	Kinh phí lãnh đạo làm việc với Ủy ban nhân dân huyện, lãnh đạo xã thống nhất mô hình quản lý	Số cuộc: 01 cuộc	Năm 2017	Tại huyện	TTNS	Các đơn vị liên quan, UBND huyện	*4.688.000*	Kế hoạch được phê duyệt
3	Kinh phí họp dân triển khai thực hiện dự án	Số cuộc: 01 cuộc Số người tham dự: 50 người	Năm 2017	Tại xã	TTNS	Các đơn vị liên quan, UBND xã	116.748.000	Văn bản, chứng từ báo cáo hoạt động
4	Kinh phí tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng (để truyền thông về thông tin và hoạt động, đặc điểm của dự án)		Năm 2017	Tại xã	TTNS	Các đơn vị liên quan, UBND xã	3.465.000	Kế hoạch được phê duyệt

TT	Tên hoạt động	Kết quả mong đợi	Thời gian	Địa điểm	Người thực hiện		Kinh phí	Văn bản cần lưu
					Đầu mối	Phối hợp		
5	*Kinh phí kiểm tra, giám sát chất lượng nước trên địa bàn tỉnh năm 2017*		Năm 2017	Tại xã	TTNS	Các đơn vị liên quan, UBND xã	126.634.000	
6	*Hỗ trợ chi phí cho phòng Nông nghiệp tổng hợp số liệu trên địa bàn huyện, TP. Tổng số có 7 huyện, thành phố*		Năm 2017	Tại huyện	TTNS	Các đơn vị liên quan, UBND xã	12.782.000	
7	Kinh phí đi kiểm tra, giám sát liên ngành ở cấp cơ sở năm 2017		Năm 2017	Tại huyện, xã	TTNS	Các đơn vị liên quan, UBND xã	9.252.000	
8	Kinh phí kiểm tra giám sát hợp phần cấp nước nông thôn năm 2017		Năm 2017	Tại huyện, xã	TTNS	Các đơn vị liên quan, UBND xã	12.240.000	
	Tổng						**285.809.000**	
1	Kinh phí lãnh đạo làm việc với Ủy ban nhân dân huyện, lãnh đạo xã thống nhất mô hình quản lý	Số cuộc: 01 cuộc	Năm 2018	Tại huyện	TTNS	Các đơn vị liên quan, UBND huyện	*4.688.000*	Kế hoạch được phê duyệt
3	Kinh phí họp dân triển khai thực hiện dự án	Số cuộc: 01 cuộc Số người tham dự: 50 người	Năm 2018	Tại xã	TTNS	Các đơn vị liên quan, UBND xã	116.748.000	Văn bản, chứng từ báo cáo hoạt động
4	Kinh phí tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng (để truyền thông về thông tin và hoạt động, đặc điểm của dự án)		Năm 2018	Tại xã	TTNS	Các đơn vị liên quan, UBND xã	3.465.000	Kế hoạch được phê duyệt
5	*Kinh phí kiểm tra, giám sát chất lượng nước trên địa bàn tỉnh năm 2018*		Năm 2018	Tại xã	TTNS		126.634.000	
6	*Hỗ trợ chi phí cho phòng Nông nghiệp tổng hợp số liệu trên địa bàn huyện, TP. Tổng số có 7 huyện, thành phố*		Năm 2018	Tại huyện	TTNS		12.782.000	
7	Kinh phí đi kiểm tra, giám sát liên ngành ở cấp cơ sở năm 2018		Năm 2018	Tại huyện, xã	TTNS	Các đơn vị liên quan, UBND xã	9.252.000	
8	Kinh phí kiểm tra giám sát hợp phần cấp nước nông thôn năm 2018		Năm 2018	Tại huyện, xã	TTNS	Các đơn vị liên quan, UBND xã	12.240.000	
	Tổng						**285.809.000**	

TT	Tên hoạt động	Kết quả mong đợi	Thời gian	Địa điểm	Người thực hiện		Kinh phí	Văn bản cần lưu
					Đầu mối	Phối hợp		
1	Kinh phí lãnh đạo làm việc với Ủy ban nhân dân huyện, lãnh đạo xã thống nhất mô hình quản lý	Số cuộc: 01 cuộc	Năm 2019	Tại huyện	TTNS	Các đơn vị liên quan, UBND huyện	*4.688.000*	Kế hoạch được phê duyệt
3	Kinh phí họp dân triển khai thực hiện dự án	Số cuộc: 01 cuộc Số người tham dự: 50 người	Năm 2019	Tại xã	TTNS	Các đơn vị liên quan, UBND xã	116.748.000	Văn bản, chứng từ báo cáo hoạt động
4	Kinh phí tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng (để truyền thông về thông tin và hoạt động, đặc điểm của dự án)		Năm 2019	Tại xã	TTNS	Các đơn vị liên quan, UBND xã	3.465.000	Kế hoạch được phê duyệt
5	*Kinh phí kiểm tra, giám sát chất lượng nước trên địa bàn tỉnh năm 2019*		Năm 2019	Tại xã	TTNS		126.634.000	
6	*Hỗ trợ chi phí cho phòng Nông nghiệp tổng hợp số liệu trên địa bàn huyện, TP. Tổng số có 7 huyện, thành phố*		Năm 2019	Tại huyện	TTNS		12.782.000	
7	Kinh phí đi kiểm tra, giám sát liên ngành ở cấp cơ sở năm 2019		Năm 2019	Tại huyện, xã	TTNS	Các đơn vị liên quan, UBND xã	9.252.000	
8	Kinh phí kiểm tra giám sát hợp phần cấp nước nông thôn năm 2019		Năm 2019	Tại huyện, xã	TTNS	Các đơn vị liên quan, UBND xã	12.240.000	
	Tổng						**285.809.000**	
1	Kinh phí lãnh đạo làm việc với Ủy ban nhân dân huyện, lãnh đạo xã thống nhất mô hình quản lý	Số cuộc: 01 cuộc	Năm 2020	Tại huyện	TTNS	Các đơn vị liên quan, UBND huyện	*4.688.000*	Kế hoạch được phê duyệt
3	Kinh phí họp dân triển khai thực hiện dự án	Số cuộc: 01 cuộc Số người tham dự: 50 người	Năm 2020	Tại xã	TTNS	Các đơn vị liên quan, UBND xã	116.748.000	Văn bản, chứng từ báo cáo hoạt động
4	Kinh phí tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng (để truyền thông về thông tin và hoạt động, đặc điểm của dự án)		Năm 2020	Tại xã	TTNS	Các đơn vị liên quan, UBND xã	3.465.000	Kế hoạch được phê duyệt
5	*Kinh phí kiểm tra, giám sát chất lượng nước trên địa bàn tỉnh năm 2020*		Năm 2020	Tại xã	TTNS		101.034.000	

TT	Tên hoạt động	Kết quả mong đợi	Thời gian	Địa điểm	Người thực hiện		Kinh phí	Văn bản cần lưu
					Đầu mối	Phối hợp		
6	*Hỗ trợ chi phí cho phòng Nông nghiệp tổng hợp số liệu trên địa bàn huyện, TP. Tổng số có 7 huyện, thành phố*		Năm 2020	Tại huyện	TTNS		12.782.000	
7	Kinh phí đi kiểm tra, giám sát liên ngành ở cấp cơ sở năm 2020		Năm 2020	Tại huyện, xã	TTNS	Các đơn vị liên quan, UBND xã	9.252.000	
8	Kinh phí kiểm tra giám sát hợp phần cấp nước nông thôn năm 2020		Năm 2020	Tại huyện, xã	TTNS	Các đơn vị liên quan, UBND xã	12.240.000	
	Tổng						**260.209.000**	
	TỔNG CỘNG GIAI ĐOẠN						**2.271.400.000**	

HỢP PHẦN TRUYỀN THÔNG VỆ SINH
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỞ RỘNG QUY MÔ VỆ SINH VÀ NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN DỰA TRÊN KẾT QUẢ
NĂM 2016

TT	NỘI DUNG	Số lần	Thời gian dự kiến	Người thực hiện		Kinh phí
				Đầu mối	Phối hợp	
1	Chi phí cho tổ chức hội họp, sơ kết, tổng kết đánh giá chương trình của Ban điều hành	01 cuộc/ năm	Quý IV/ 2016	TTNS	Các đơn vị liên quan	*10.200.000*
2	Chi phí khác (Phục vụ cho các hoạt động của Ban điều hành)		Quý IV/ 2016	TTNS		25.000.000
3	Dự phòng		Quý IV/ 2016	TTNS		1.800.000
	Tổng					**37.000.000**